

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 4 VÀ LŨY KẾ NĂM 2020**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	05 – 20
5. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	21

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		919.056.191.206	1.245.763.458.299
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	81.458.070.905	109.639.410.844
111	1. Tiền		81.458.070.905	109.639.410.844
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		262.220.727.553	393.638.260.703
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	101.984.748.261	209.411.208.391
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.397.848.601	2.301.417.502
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	154.855.420.186	182.942.924.305
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(1.017.289.495)	(1.017.289.495)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	564.175.014.480	720.877.933.126
141	1. Hàng tồn kho		566.631.265.757	722.209.656.477
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.456.251.277)	(1.331.723.351)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.202.378.268	21.607.853.626
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	5.914.343.061	4.512.504.939
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.068.835.966	16.799.217.840
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	219.199.241	296.130.847
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		313.314.027.844	386.437.936.091
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.569.736.350	5.257.672.058
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		4.332.000.080	5.235.672.058
216	3. Phải thu dài hạn khác		237.736.270	22.000.000
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		248.545.724.097	333.464.515.817
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	235.581.575.469	319.770.515.880
222	- Nguyên giá		335.119.555.605	407.311.826.048
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(99.537.980.136)	(87.541.310.168)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	12.964.148.628	13.693.999.937
228	- Nguyên giá		17.938.696.169	17.640.696.169
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.974.547.541)	(3.946.696.232)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		14.825.892.859	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		14.825.892.859	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		45.372.674.538	47.715.748.216
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	9.033.796.541	4.617.912.842
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		177.912.826	648.006.695
269	3. Lợi thế thương mại	V.9	36.160.965.171	42.449.828.679
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.232.370.219.050	1.632.201.394.390

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		697.068.783.129	1.166.635.139.173
310	I. Nợ ngắn hạn		693.391.627.386	1.162.606.406.640
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	38.494.454.406	110.583.016.784
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	99.949.707.833	84.923.347.924
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	24.267.676.922	2.873.832.008
314	4. Phải trả người lao động		18.239.115.300	8.100.409.155
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		6.454.318.571	2.580.048.957
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		6.010.478.763	5.312.156.685
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	499.975.875.591	948.233.595.127
330	II. Nợ dài hạn		3.677.155.743	4.028.732.533
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		3.677.155.743	4.028.732.533
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		535.301.435.921	465.566.255.217
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.14	535.301.435.921	465.566.255.217
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		367.443.990.000	367.443.990.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		367.443.990.000	367.443.990.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(30.000.000)	(30.000.000)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.234.667.764)	(2.234.667.764)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		165.874.019.186	95.961.582.414
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		41.053.343.180	44.921.038.132
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		124.820.676.006	51.040.544.282
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		4.248.094.499	4.425.350.567
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.232.370.219.050	1.632.201.394.390

Người lập biểu


TRẦN KHÔI NGUYÊN

Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2021



Tổng Giám Đốc

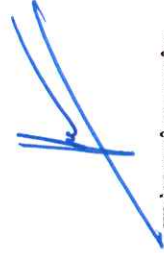
ĐỖ TIÊN DŨNG

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.818.710.041.768	1.517.098.366.003	5.569.551.903.723	5.152.924.157.313
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.2	1.818.710.041.768	1.517.098.366.003	5.569.551.903.723	5.152.924.157.313
11	4. Giá vốn hàng bán		1.700.441.778.413	1.474.733.138.619	5.248.166.729.599	4.957.494.347.856
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		118.268.263.355	42.365.227.384	321.385.174.124	195.429.809.457
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		118.163.682	114.731.232	2.783.235.785	269.749.351
22	7. Chi phí tài chính	VI.3	5.233.948.407	16.411.645.095	40.745.511.189	56.713.133.302
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		5.233.948.407	16.404.728.939	40.669.604.829	56.706.217.146
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.4	37.611.136.938	31.452.029.357	114.371.595.998	116.799.940.079
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	14.136.773.866	11.723.795.966	53.417.016.720	52.663.322.082
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		61.404.567.826	(17.107.511.802)	115.634.286.002	(30.476.836.655)
31	12. Thu nhập khác		16.927.868.748	26.622.550.611	42.851.479.258	96.193.489.706
32	13. Chi phí khác		731.956.315		864.221.220	240.266.280
40	14. Lợi nhuận khác		16.195.912.434	26.622.550.611	41.987.258.038	95.953.223.426
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		77.600.480.260	9.515.038.809	157.621.544.040	65.476.386.771
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		15.416.113.301	2.560.295.149	32.151.203.880	14.929.723.848
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(697.571.759)	(48.006.695)	118.517.079	(124.146.274)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		62.881.938.719	7.002.750.355	125.551.823.081	50.670.809.197
61	19. Lợi ích của cổ đông của công ty mẹ		62.038.042.466	7.180.027.194	124.820.676.006	51.040.544.282
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		843.896.253	(177.276.839)	531.147.075	(369.735.085)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.695	201	3.409	1.429
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	1.695	201	3.409	1.429

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		157.621.544.040	65.476.386.771
	2. Điều chỉnh cho các khoản		58.782.428.588	83.338.177.974
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		38.465.007.200	42.919.569.032
03	- Các khoản dự phòng		1.124.527.926	1.331.723.351
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(21.476.711.367)	(17.619.331.555)
06	- Chi phí lãi vay		40.669.604.829	56.706.217.146
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		216.403.972.628	148.814.564.745
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		144.382.876.207	273.359.254.396
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		155.578.390.720	(131.953.788.615)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(30.270.361.306)	(139.456.504.217)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		471.141.687	4.772.190.191
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(40.669.604.829)	(56.706.217.146)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.669.993.840)	(21.574.752.523)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		422.226.421.267	77.254.746.831
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(458.123.898.220)	(623.724.055.717)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		509.993.872.727	621.957.658.301
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		506.803.323	269.749.351
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		52.376.777.830	(1.496.648.065)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	17.280.000.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(2.234.667.764)
33	3. Tiền thu từ đi vay		4.991.459.758.660	5.371.968.767.812
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(5.439.717.478.196)	(5.421.999.159.263)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(54.526.819.500)	(51.937.819.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(502.784.539.036)	(86.922.878.715)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(28.181.339.939)	(11.164.779.949)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		109.639.410.844	120.804.190.793
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		81.458.070.905	109.639.410.844

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất)



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 02 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty.

07 / T1
ẤN
Ô T
4N
H

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
01	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
02	Công ty CP SX Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	94,38%	94,38%	94,38%	92,72%	92,72%	92,72%

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc năm kế toán Tập đoàn có 619 nhân viên, tại ngày đầu năm có 585 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	7.381.127.873	12.914.949.945
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	74.076.943.032	96.724.460.899
Cộng	<u>81.458.070.905</u>	<u>109.639.410.844</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>101.984.748.261</i>	<i>209.411.208.391</i>
- Các khách hàng khác	101.984.748.261	209.411.208.391
Cộng	<u>101.984.748.261</u>	<u>209.411.208.391</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-		-
<i>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</i>	154.855.420.186	-	182.942.924.305	-
- Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam	150.412.089.825	-	180.189.753.146	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.443.330.361	-	2.753.171.159	-
Cộng	154.855.420.186	-	182.942.924.305	-

4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu thương mại</i>				
- Các đối tượng khác	1.060.164.875	42.875.380	1.060.164.875	42.875.380
Cộng	1.060.164.875	42.875.380	1.060.164.875	42.875.380

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	69.629.067.800	(2.456.251.277)	66.773.218.417	(1.331.723.351)
- Công cụ, dụng cụ	272.722.092	-	272.517.737	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.592.838.129	-	18.522.657.888	-
- Hàng hóa	486.136.637.736	-	636.641.262.435	-
Cộng	566.631.265.757	(2.456.251.277)	722.209.656.477	(1.331.723.351)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	652.630.044	738.085.791
- Phí bảo hiểm	409.562.018	500.635.498
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.852.150.999	3.273.783.650
Cộng	5.914.343.061	4.512.504.939

6b. Chi phí trả trước dài hạn

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Sửa chữa văn phòng	5.502.302.307	995.814.552
- Công cụ, dụng cụ	1.811.631.461	2.223.821.593
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.719.862.773	1.398.276.697
Cộng	9.033.796.541	4.617.912.842

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	93.141.073.367	29.943.226.593	277.064.959.034	4.872.539.482	2.290.027.572	407.311.826.048
Tăng trong năm	1.266.761.059	1.027.662.000	440.882.897.731	32.550.000	173.800.000	443.383.670.790
Giảm trong năm	(438.165.198)	(117.195.000)	(515.010.137.315)	(10.443.720)	-	(515.575.941.233)
Số cuối năm	93.969.669.228	30.853.693.593	202.937.719.450	4.894.645.762	2.463.827.572	335.119.555.605
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	52.747.718.274	19.748.112.762	9.622.341.685	3.555.298.529	1.867.838.918	87.541.310.168
Khấu hao trong năm	9.115.133.724	3.241.071.358	24.576.570.288	613.951.781	159.040.734	37.437.155.144
Giảm trong năm	(438.165.198)	(2.142.222)	(25.258.346.687)	(10.443.810)	-	(25.626.086.229)
Số cuối năm	61.424.686.800	22.987.041.898	8.940.565.286	4.158.806.500	2.026.879.652	99.537.980.136
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	40.393.355.093	10.195.113.831	267.442.617.349	1.317.240.953	422.188.654	319.770.515.880
Số cuối năm	32.544.982.428	7.866.651.695	193.997.154.164	735.839.262	436.947.920	235.581.575.469

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	5.994.279.369	17.640.696.169
Mua trong năm	-	-	298.000.000	298.000.000
Số cuối năm	8.848.836.800	2.797.580.000	6.292.279.369	17.938.696.169
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	680.744.457	3.265.951.775	3.946.696.232
Khấu hao trong năm	-	55.951.596	971.899.713	1.027.851.309
Số cuối năm	-	736.696.053	4.237.851.488	4.974.547.541
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.116.835.543	2.728.327.594	13.693.999.937
Số cuối năm	8.848.836.800	2.060.883.947	2.054.427.881	12.964.148.628

9. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty CP SX TM DV Ô tô PTM	42.449.828.679	-	(6.288.863.508)	36.160.965.171
- Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	-	-	-	-
Cộng	42.449.828.679	-	(6.288.863.508)	36.160.965.171

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	38.494.454.406	110.583.016.784
- Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam	19.544.422.683	97.070.668.643
- Các nhà cung cấp khác	18.850.031.723	13.512.348.141
Cộng	38.494.454.406	110.583.016.784

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.604.522.420	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.597.634.674	4.465.499	2.503.692.019	4.465.499
- Thuế thu nhập cá nhân	65.519.828	-	370.139.989	-
- Thuế nhà đất, thuế đất	-	214.733.742	-	291.665.348
Cộng	24.267.676.922	219.199.241	2.873.832.008	296.130.847

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	157.621.544.040
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.740.148.335
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.981.646.119
Thu nhập chịu thuế	164.380.046.256
Thu nhập được miễn thuế	-
Lỗi các năm trước được chuyển sang	(2.503.137.262)
Thu nhập tính thuế	161.876.908.994
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế TNDN nộp theo thu nhập tính thuế trong năm	32.375.381.799
Thuế TNDN được giảm 30% (theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ)	224.177.919
Tổng Thuế TNDN phải nộp	32.151.203.880

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	499.975.875.591	499.975.875.591	948.233.595.127	948.233.595.127
Cộng	499.975.875.591	499.975.875.591	948.233.595.127	948.233.595.127

14. Vốn chủ sở hữu**14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	83.528.340.000	22,73%	83.528.340.000	22,73%
- Bà Vũ Thị Hạnh	64.530.960.000	17,56%	54.530.960.000	14,84%
- Các cổ đông khác	219.384.690.000	59,71%	229.384.690.000	62,43%
Cộng	367.443.990.000	100,00%	367.443.990.000	100,00%

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	367.443.990.000	367.443.990.000	-
Cộng	367.443.990.000	367.443.990.000	-

14c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	367.443.990.000	350.133.990.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>		17.310.000.000
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>		
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	367.443.990.000	367.443.990.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(54.526.819.500)	(51.937.819.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	28.996.500.438	24.965.837.053
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.998.546.402	5.279.044.896
- Chi phí lợi thế thương mại	6.288.863.508	6.288.863.508
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	13.133.106.372	16.129.576.625
Cộng	<u>53.417.016.720</u>	<u>52.663.322.082</u>

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm	32.151.203.880	14.929.723.848
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>32.151.203.880</u>	<u>14.929.723.848</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	125.351.823.081	50.670.809.197
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	531.147.075	369.735.085
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	124.820.676.006	51.040.544.282
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	36.610.129	35.714.041
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>3.409</u>	<u>1.429</u>

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	125.351.823.081	50.670.809.197
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	531.147.075	369.735.085
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	124.820.676.006	51.040.544.282
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	36.610.129	35.714.041
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>3.409</u>	<u>1.429</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
- Lương và thu nhập khác	5.246.722.000	5.329.780.770
- Cổ tức bằng tiền	22.636.400.025	22.183.250.025

3. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2021.

Người lập biểu

TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019						
Tại ngày 01/01/2019	350.133.990.000	-	-	99.166.429.262	3.487.894.791	452.788.314.053
Tăng trong năm	17.310.000.000	-	(2.234.667.764)	51.040.544.282	1.196.598.719	67.312.475.237
- Lãi trong năm	-	-	-	51.040.544.282	(369.735.085)	50.670.809.197
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(2.234.667.764)	-	-	(2.234.667.764)
- Vốn góp tăng trong năm	17.310.000.000	-	-	-	1.566.333.804	18.876.333.804
Giảm trong năm	-	(30.000.000)	-	(54.245.391.130)	(259.142.943)	(54.534.534.073)
- Chia cổ tức (bằng tiền)	-	-	-	(52.318.693.500)	-	(52.318.693.500)
- Anh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích do công ty con huy động thêm vốn	-	-	-	(1.926.697.630)	(259.142.943)	(2.185.840.573)
- Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(30.000.000)	-	-	-	(30.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	95.961.582.414	4.425.350.567	465.566.255.217

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Tại ngày 01/01/2020	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	95.961.582.414	4.425.350.567	465.566.255.217
Tăng trong năm	-	-	-	124.820.676.006	531.147.075	125.351.823.081
- Lãi trong năm	-	-	-	124.820.676.006	531.147.075	125.351.823.081
Giảm trong năm	-	-	-	(54.908.239.234)	(708.403.143)	(55.616.642.377)
- Chia cổ tức (bằng tiền)	-	-	-	(54.915.193.500)	-	(54.915.193.500)
- Anh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích CDKKS phát sinh trong năm	-	-	-	6.934.266	(708.403.143)	(701.448.877)
Tại ngày 31/12/2020	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	165.874.409.486	3.716.947.424	535.301.435.921

Người lập biểu


TRẦN KHÔI NGUYỄN
 CHỊ MINH

Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ THANH HẰNG


 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 Q. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH
 Ngày 29 tháng 01 năm 2021
 Giám đốc